TÒA ÁN ND QUẬN LIÊN CHIỂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18/9/2018
V/v tranh chấp "ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Cúc**
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Văn Sỹ**
2. Bà **Huỳnh Thị Lệ**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Thị Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng *tham gia phiên tòa:* Bà **Phạm Ái Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Mỹ D** - sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ 72 phường H, quận L, thành phố Đ. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Duy P** - sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 72 phường H, quận L, thành phố Đ. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện nộp Tòa án ngày 09 tháng 4 năm 2018, Bản tự khai ngày 10 tháng 5 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Duy P xây dựng gia đình vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh (nay là phường Hòa Khánh Bắc), quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống tại Tổ 72 phường H, quận L, thành phố Đ. Trong quá trình chung sống đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, ông Phương không có trách nhiệm với gia đình, không tôn trọng tôi, cuộc sống chung không có hạnh phúc,

tôi không còn tình cảm với ông P nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Duy P.

- Về con chung: Tôi và ông Nguyễn Duy P có 03 con chung là Nguyễn Thị Diệu P1– sinh ngày 17/10/2003, Nguyễn Thị Á A– sinh ngày 26/11/2005, Nguyễn Thị Diệu H– sinh ngày 15/10/2015. Ly hôn, nguyện vọng của tôi là được nuôi 03 con chung đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

- Về tài sản chung: Tôi xác định giữa tôi và ông Nguyễn Duy P không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Tôi xác định giữa tôi và ông Nguyễn Duy P không có nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Duy P không trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn, nuôi con, tài sản chung và nợ chung của bà Huỳnh Thị Mỹ D, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông P vắng mặt lần hai không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Người tham gia tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Duy P không tham gia quá trình tố tụng, không tham dự phiên tòa là đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay, bà Huỳnh Thị Mỹ D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn và cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Duy P. Xét thấy hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Mỹ D và ông Nguyễn Duy P đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ D, xử cho bà Huỳnh Thị Mỹ D được ly hôn với ông Nguyễn Duy P.

Về con chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ D và ông Nguyễn Duy P có 03 con chung Nguyễn Thị Diệu P1– sinh ngày 17/10/2003, Nguyễn Thị Á A– sinh ngày 26/11/2005, Nguyễn Thị Diệu H– sinh ngày 15/10/2015. Xét thấy cả 03 con chung đều là con gái và đang do bà D trực tiếp nuôi dưỡng, cháu H còn nhỏ nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà D. Giao con chung Nguyễn Thị Diệu P1– sinh ngày 17/10/2003, Nguyễn Thị Á A– sinh ngày 26/11/2005, Nguyễn Thị Diệu H– sinh ngày 15/10/2015 cho bà D trực tiếp

nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi, ông P không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ D không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Duy P, nhưng tại phiên tòa ông P vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Duy P.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Mỹ D giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Duy P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mỹ D và ông Nguyễn Duy P xây dựng gia đình vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh (nay là phường Hòa Khánh Bắc), quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, ông P không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không tôn trọng nhau. Theo biên bản xác minh ngày 29/6/2018 của tổ dân phố thì vợ chồng bà D, ông P có phát sinh mâu thuẫn hay không thì địa phương không rõ. Tuy nhiên, theo lời trình bày của các cháu Nguyễn Thị Diệu P, Nguyễn Thị Á A thì bà D, ông P có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân. Tại phiên tòa hôm nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Duy P.

Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Duy P đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay ông P vắng mặt thể hiện ông P không mong muốn đoàn tụ gia đình.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà Huỳnh Thị Mỹ D và ông Nguyễn Duy P đã đến mức độ trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Mỹ D đối với ông Nguyễn Duy P.

- Về quan hệ con chung*:* Bà Huỳnh Thị Mỹ D và ông Nguyễn Duy P có 03 con chung là Nguyễn Thị Diệu P1– sinh ngày 17/10/2003, Nguyễn Thị Á A– sinh ngày 26/11/2005, Nguyễn Thị Diệu H– sinh ngày 15/10/2015. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Xét thấy hiện nay 03 con chung Nguyễn Thị Diệu P1– sinh ngày 17/10/2003, Nguyễn Thị Á A– sinh ngày 26/11/2005, Nguyễn Thị Diệu H– sinh ngày 15/10/2015 đang sinh sống ổn định cùng với mẹ, cháu Nguyễn Thị Diệu P1và Nguyễn Thị Á A có đơn trình bày ý kiến có nguyện vọng ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy giao 03 con chung Nguyễn Thị Diệu P1– sinh ngày 17/10/2003, Nguyễn Thị Á A– sinh ngày

26/11/2005, Nguyễn Thị Diệu H– sinh ngày 15/10/2015 cho bà Huỳnh Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi 03 con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Bà D không yêu cầu ông Nguyễn Duy P cấp dưỡng nuôi 03 con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ D xác định không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ D xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Huỳnh Thị Mỹ D phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ D đối với ông Nguyễn Duy P về việc tranh chấp "ly hôn".

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Mỹ D được ly hôn với ông Nguyễn Duy P.

2. Về quan hệ con chung: Giao 03 con chung Nguyễn Thị Diệu P1– sinh ngày 17/10/2003, Nguyễn Thị Á A– sinh ngày 26/11/2005, Nguyễn Thị Diệu H– sinh ngày 15/10/2015 cho bà Huỳnh Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi 03 con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Duy P không cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ D xác định giữa bà và ông Nguyễn Duy P không có tài sản chung.

4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ D xác định giữa bà và ông Nguyễn Duy P không có nợ chung.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* bà Huỳnh Thị Mỹ D phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà D đã nộp tại biên lai thu số 0002861 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân

sự quận Liên Chiểu TP. Đà Nẵng. Bà D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Duy P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- UBND P. Hòa Khánh Bắc;
- Sở Tư pháp.
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Kim Cúc